

BIGIKO 40

THÀNH PHẦN: Cao khô bạch quả (*Extractum Folium Ginkgo biloba*) 40 mg và các tá dược: Cellulose vi tinh thể, Lactose, Tinh bột ngô, Natri starch glycolat, Silic dioxyd dạng keo khan, Magnesi stearat, HPMC 6 cPs, Propylen glycol, Polyethylen glycol 400, Talc, Titan dioxyd, Sắt oxyd đỏ, Màu hồ Quinolin yellow, Nước tinh khiết vừa đủ 1 viên nén bao phim.

DẠNG BÀO CHẾ: Viên nén bao phim.

QUI CÁCH ĐÓNG GÓI: Hộp 3 vỉ x 10 viên, hộp 6 vỉ x 10 viên, hộp 10 vỉ x 10 viên, hộp 1 chai 60 viên, hộp 1 chai 100 viên.

DƯỢC LỰC: Cao Ginkgo Biloba được chiết xuất từ lá của cây Bạch quả còn gọi là cây Ngân hạnh, tên khoa học là *Ginkgo biloba* thuộc họ *Ginkgoaceae*. Cây này được trồng nhiều ở Triều Tiên, Nhật Bản, Trung Quốc và miền tây nam nước Pháp. Cây thuốc này đã được sử dụng lâu đời ở Trung quốc trong điều trị các bệnh lão suy và đã được nhiều nước trên thế giới nghiên cứu sử dụng trong 20 năm qua.

Thành phần chính có tác dụng trị liệu gồm 2 nhóm là các terpen và polyphenol. Nhóm terpen gồm có Bilobalid và các Ginkgolid (đến nay có 5 Ginkgolid được nhận diện là Ginkgolid A,B,C,M và J). Nhóm polyphenol gồm các flavonoid như Biflavol, Gingitol, Ametoflavin, Flavonol (Quercetol, Kampferol, Isorhamnetol) và Proanthocyanidol. Những chất này có tác dụng rõ trên hệ tuần hoàn có tác dụng làm dẫn động mạch, tăng co bóp mạch máu, giảm tính thấm thành mạch máu, tăng tuần hoàn não, tăng lượng glucose và ATP trong tổ chức thần kinh, tăng dung nạp oxy ở não. Gần đây người ta chú ý đến các Ginkgolid nhất là Ginkgolid B có hoạt tính mạnh nhất trong việc duy trì tính đàn hồi của mạch máu và có tính ức chế các yếu tố kích hoạt tiểu cầu PAF (Platelet - Activating Factor) nên tránh được sự kết vón tiểu cầu gây tai biến tắc mạch. Ngoài ra các flavonoid còn có tính chống oxid hóa, chống lão hóa, chống các lipid có gốc tự do, bảo vệ điểm vàng của mắt. Hiện thuốc đang được nghiên cứu trong điều trị bệnh Alzheimer.

CHỈ ĐỊNH ĐIỀU TRỊ:

- Thiếu năng tuần hoàn não.
- Các triệu chứng suy giảm trí năng ở người lớn tuổi (giúp cải thiện trí nhớ, tăng chức năng nhận thức..)
- Các triệu chứng đau cách hồi của bệnh tắc động mạch chi dưới mãn tính.
- Hội chứng chóng mặt, ù tai, giảm thính lực do thiếu máu cục bộ.
- Một số trường hợp thiếu máu vông mạc như bệnh lý vông mạc do đái tháo đường, thoái hóa điểm vàng.
- Cải thiện hội chứng Raynaud.

LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH DÙNG:

- Người lớn: Uống 1 viên x 3 lần mỗi ngày vào các bữa ăn.
- Thời gian dùng thuốc từ 4- 6 tuần, có thể dùng đến 12 tuần để đạt hiệu quả tốt nhất.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH:

- Các trường hợp quá mẫn cảm với một trong các thành phần của thuốc.
- Trẻ em dưới 12 tuổi, phụ nữ có thai hoặc cho con bú.
- Các trường hợp có rối loạn đông máu, đang xuất huyết.

CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG KHI SỬ DỤNG.

- Liều dùng cho trẻ em dưới 12 tuổi chưa được thiết lập.
- Thận trọng khi dùng chung với các thuốc chống co giật, chống trầm cảm, thuốc hạ huyết áp.
- Thận trọng khi dùng cùng lúc với thuốc chống đông và các thuốc chống viêm không steroid.
- Theo nghiên cứu sơ bộ Ginkgo biloba có thể có ảnh hưởng trên sự tiết Insulin và

mức đường huyết nên cần phải thận trọng khi dùng cho bệnh nhân bị bệnh đái tháo đường

- Thuốc này không phải là thuốc hạ huyết áp nên không thể dùng để điều trị thay thế cho các thuốc chống tăng huyết áp đặc trị.

TƯƠNG TÁC VỚI CÁC THUỐC KHÁC VÀ CÁC DẠNG TƯƠNG TÁC KHÁC:

- Liều cao Ginkgo biloba làm giảm tác dụng của các thuốc chống co giật như Carbamazepin, Caproic acid..

- Ginkgo biloba có thể làm tăng tác dụng phụ của các thuốc IMAO và có ảnh hưởng các thuốc chống trầm cảm, làm tăng nguy cơ bị hội chứng serotonin biểu hiện qua sự cứng cơ, nhịp tim nhanh, sốt cao, vã mồ hôi..

- Ginkgo biloba có thể làm tăng tác dụng của các thuốc hạ huyết áp nhất là với Nifedipin và các thuốc ức chế calci.

- Ginkgo biloba có thể làm tăng nguy cơ chảy máu khi dùng chung với các thuốc chống đông máu như Warfarin, Heparin, Ticlopidin, Clopidogrel và các thuốc chống viêm như Aspirin, Ibuprofen, Naproxen..

- Đã có trường hợp bị tăng huyết áp được báo cáo khi dùng chung Ginkgo biloba với thuốc lợi tiểu loại Thiazid.

TRƯỜNG HỢP CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ:

Không sử dụng thuốc này cho phụ nữ trong thời kỳ mang thai hoặc cho con bú.

TÁC DỤNG ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC: Không có báo cáo.

QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ: Các triệu chứng quá liều bao gồm: Tiêu chảy, buồn nôn, nôn mửa, giảm trương lực cơ, co giật, các dấu hiệu xuất huyết (chảy máu cam, tiêu phân đen...).

Xử trí: không có thuốc giải độc đặc hiệu, nếu cần phải rửa dạ dày, điều trị triệu chứng và điều trị hỗ trợ.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN:

- Đôi khi xảy ra rối loạn tiêu hóa nhẹ, hiếm khi gây dị ứng ở da.
- Đau đầu nhẹ thoáng qua có thể xảy ra nơi một số người vào 2 - 3 ngày đầu dùng thuốc.

Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

BẢO QUẢN: Nơi nhiệt độ không quá 30°C, tránh ẩm.

HẠN DÙNG: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

ĐỂ XA TẮM TAY TRẺ EM.

ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.

NẾU CẦN THÊM THÔNG TIN XIN HỎI Ý KIẾN CỦA BÁC SĨ.

WHO-GMP

TOA BIGIKO 40 16-G



**Nhà sản xuất:
CÔNG TY CỔ PHẦN BV PHARMA**

Địa chỉ: Ấp 2, Xã Tân Thạnh Tây, Huyện Củ Chi, TP. HCM.
Email: info@bvpharma.com.vn